

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : La Thị Hải Anh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Mai Quyên

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIỆM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : La Thị Hải Anh
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Thị Mai Quyên**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: La Thị Hải Anh

Mã SV: 1412401216

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	3
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	3
1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	4
1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	4
1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	9
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	16
1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	19
1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	21
1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.4 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	26
1.4.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.....	27
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	28
1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	30
1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU	34
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU	34
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	34

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty	35
2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu	35
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU	39
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty.....	39
2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng	46
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	54
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	59
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	64
2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh	64
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU	73
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	75
3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU.....	76
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	76
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	76
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	77
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	77
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	90

DANH MỤC BẢNG

Biểu 2.1a: Bảng kê cước vận chuyển	42
Biểu 2.1b: Hóa đơn GTGT số 814.....	43
Biểu 2.2: Nhật ký chung.....	44
Biểu 2.3: Sổ cái TK 511	45
Biểu 2.4: Nhật ký chung.....	50
Biểu 2.5: Sổ cái TK 154	51
Biểu 2.6: Phiếu kế toán.....	52
Biểu 2.7: Sổ cái TK 632	53
Biểu 2.8: Giấy báo có	56
Biểu 2.9: Nhật ký chung.....	57
Biểu 2.10: Sổ cái TK 515	58
Biểu 2.11: Hóa đơn.....	61
Biểu 2.12: Phiếu chi 121	62
Biểu 2.13: Sổ cái TK 642	63
Biểu 2.14: Phiếu kế toán.....	66
Biểu 2.15: Phiếu kế toán.....	66
Biểu 2.16: Phiếu kế toán.....	68
Biểu 2.17: Sổ cái TK 821	69
Biểu 2.18: Sổ cái TK 911	71
Biểu 2.19: Báo cáo kết quả kinh doanh	72
Biểu 3.1: Sổ cái TK 635	82
Biểu số 3.2 : Mẫu sổ chi tiết doanh thu	84
Biểu số 3.3 : Sổ chi tiết doanh thu	85
Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi tiết giá vốn	86
Biểu số 3.5: Sổ chi tiết giá vốn loại hình vận tải	87
Biểu số 3.6: Sổ chi tiết giá vốn loại hình thuê vận tải.....	88
Biểu số 3.7: Sổ chi tiết doanh thu thuê vận tải.....	89

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh.....	20
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	22
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	24
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	28
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	30
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính	32
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu	36
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu.....	38
Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu	41
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty	47
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và	55
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.....	60
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.....	65

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi nền kinh tế thế giới đang trên đà phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế Việt nam cũng đã hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Một quốc gia muốn phát triển thì không còn con đường nào khác là phải hòa nhập. Kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mở, thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước trên thế giới, các doanh nghiệp đã phát triển rất đa dạng và mạnh mẽ, bước đầu tham gia vào thương trường quốc tế. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, một trong những biện pháp được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm hiện nay là công tác kế toán tài chính.

Trong công tác quản lý kinh tế thì công tác kế toán là một công cụ quản lý quan trọng của doanh nghiệp, với những thông tin mà kế toán cung cấp thì các nhà quản lý doanh nghiệp sẽ hiểu rõ hơn về tình hình quản lý của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng có thể phân tích và đánh giá được tình hình sử dụng vốn, lao động và các nguồn lực đầu vào của doanh nghiệp, qua đó có thể sử dụng hợp lý hơn và tiết kiệm được nguồn lực mà vẫn tăng được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là một biện pháp để tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài ra có thể nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ ý nghĩa và vai trò của công tác kế toán, qua việc áp dụng kiến thức đã học và thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu em xin trình bày bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm ba chương:

• **Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

• **Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu**

• **Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu**

Mặc dù đã rất cố gắng cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban Giám đốc, các cán bộ và nhân viên phòng kế toán cùng với sự chỉ bảo của cô giáo - **ThS. Phạm Thị Mai Quyên**, em đã nắm bắt được phần nào

tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu.

Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất đơn, cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ đối với đất nước, tham gia liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong cũng như ngoài nước...

Đồng thời các doanh nghiệp luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với bản chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định chi tiêu một cách hợp lý cho hiệu quả cao.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra, doanh nghiệp phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh, có như vậy doanh nghiệp mới biết được tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình và biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và tình hình phân phối kết quả của các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng và phân phối kết quả kinh doanh.

1.1.3 Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.3.1 Doanh thu

- **Khái niệm**

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Các loại doanh thu**

- ❖ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...)

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng

Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy, hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. kết quả được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

✓ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Chiết khấu thương mại: là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

Hàng bán bị trả lại: là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

Thuế GTGT phải nộp: (theo phương pháp trực tiếp) thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần GTGT của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thu gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

❖ *Thuế xuất khẩu*: là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

❖ *Thu nhập khác*

Theo chuẩn mực kế toán số 14, thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.3.2 Chi phí

- Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh dưới các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- Các loại chi phí

❖ *Giá vốn hàng bán*: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán 02 - “hàng tồn kho” có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Phương pháp bình quân gia quyền: giá trị của từng loại hàng tồn được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương ứng đầu kỳ và giá trị hàng tồn kho tương tự được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của mỗi doanh nghiệp.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO): áp dụng trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO): áp dụng trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

❖ *Chi phí quản lý kinh doanh:* là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp...

❖ *Chi phí hoạt động tài chính:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn...

❖ *Chi phí khác:* là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:* là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ Chi phí thuế TNDN hiện hành: là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý KD}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

$$\text{Lợi nhuận tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận hoạt động khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận từ HĐTC} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- *Thuế TNDN phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- *Lợi nhuận sau thuế TNDN*: là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- ✓ Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511* - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

• Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp, nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 - Doanh thu hoạt động khác

❖ ***Tài khoản 521*** - Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng;
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán;
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

• *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:*

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

❖ ***Tài khoản 333*** - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số dư bên Có: Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

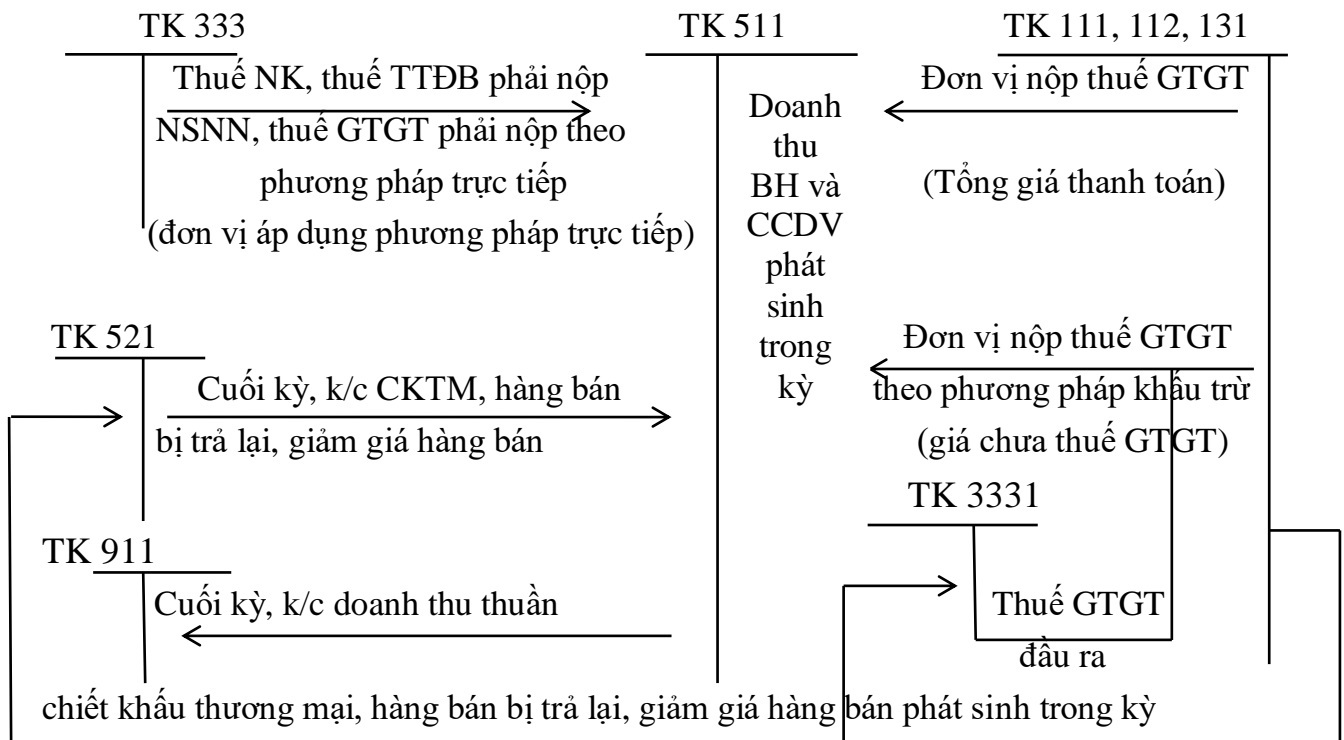
Trong trường hợp cá biệt, tài khoản 333 có thể có số dư bên Nợ. Số dư Nợ (nếu có) của TK 333 phản ánh số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn hoặc giảm cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

❖ *Tài khoản 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, có 9 tài khoản cấp 2, trong đó sử dụng 3 tài khoản cấp 2 sau để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp;
- Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

• Kết cấu

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ:

Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

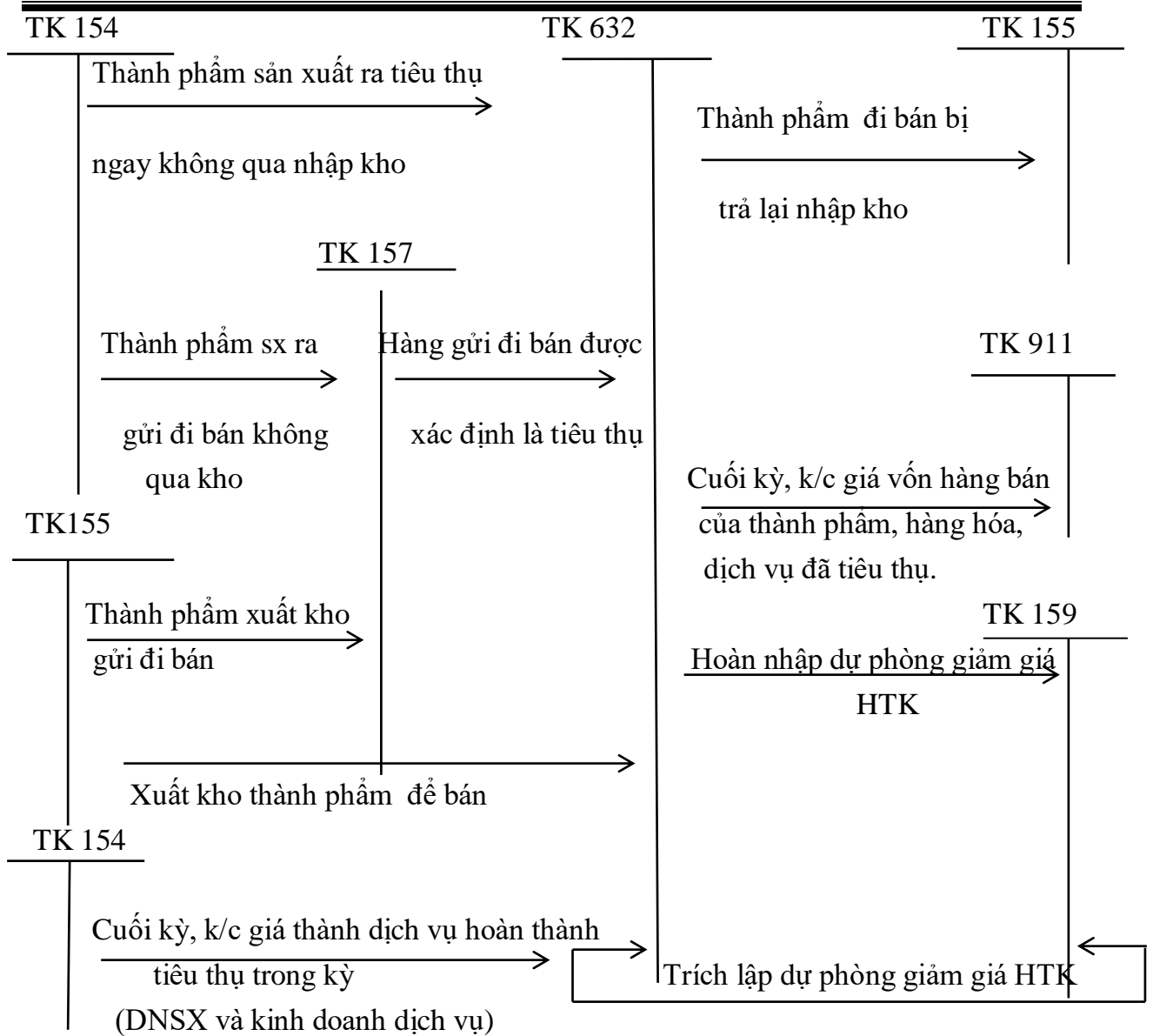
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phân bổ thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

Bên có:

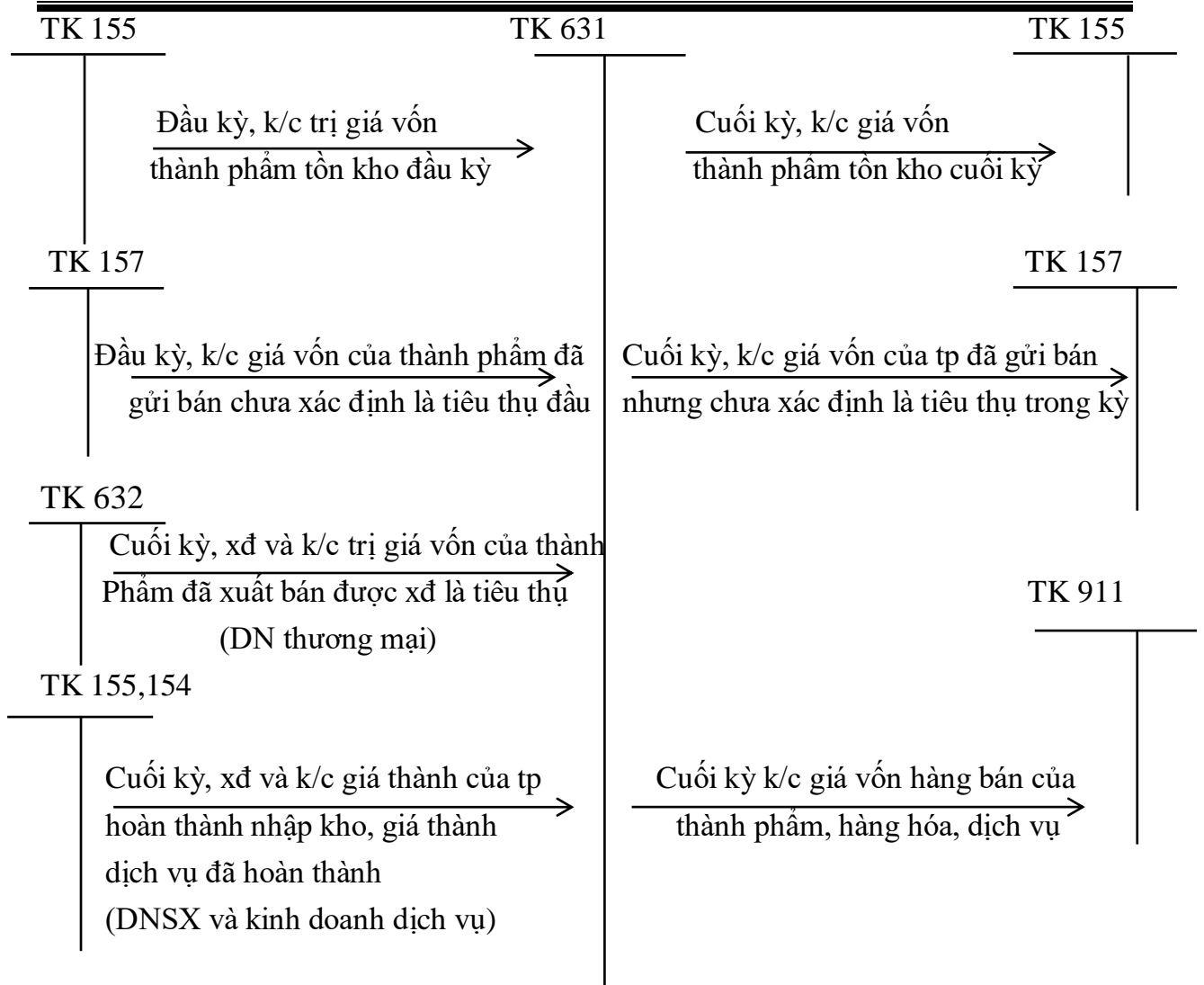
- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
 - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã lập năm trước);
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp: phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo có (giấy báo lãi)
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ
- ✓ Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 515** - Doanh thu hoạt động tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 635** - Chi phí tài chính

- Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

-
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái thực hiện);
 - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
 - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

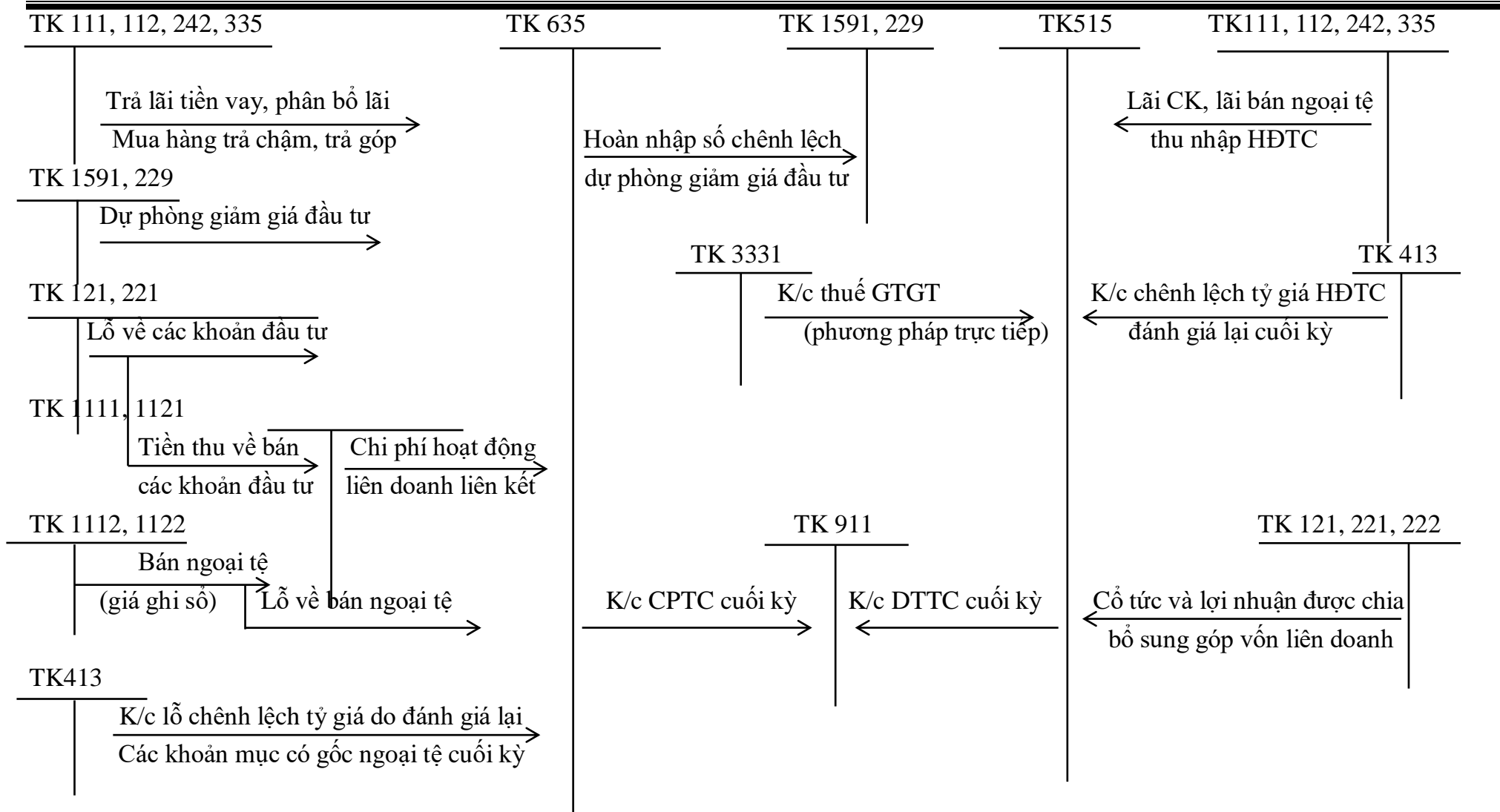
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT: giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 642** - Chi phí quản lý kinh doanh
 - Kết cấu

Bên nợ:

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

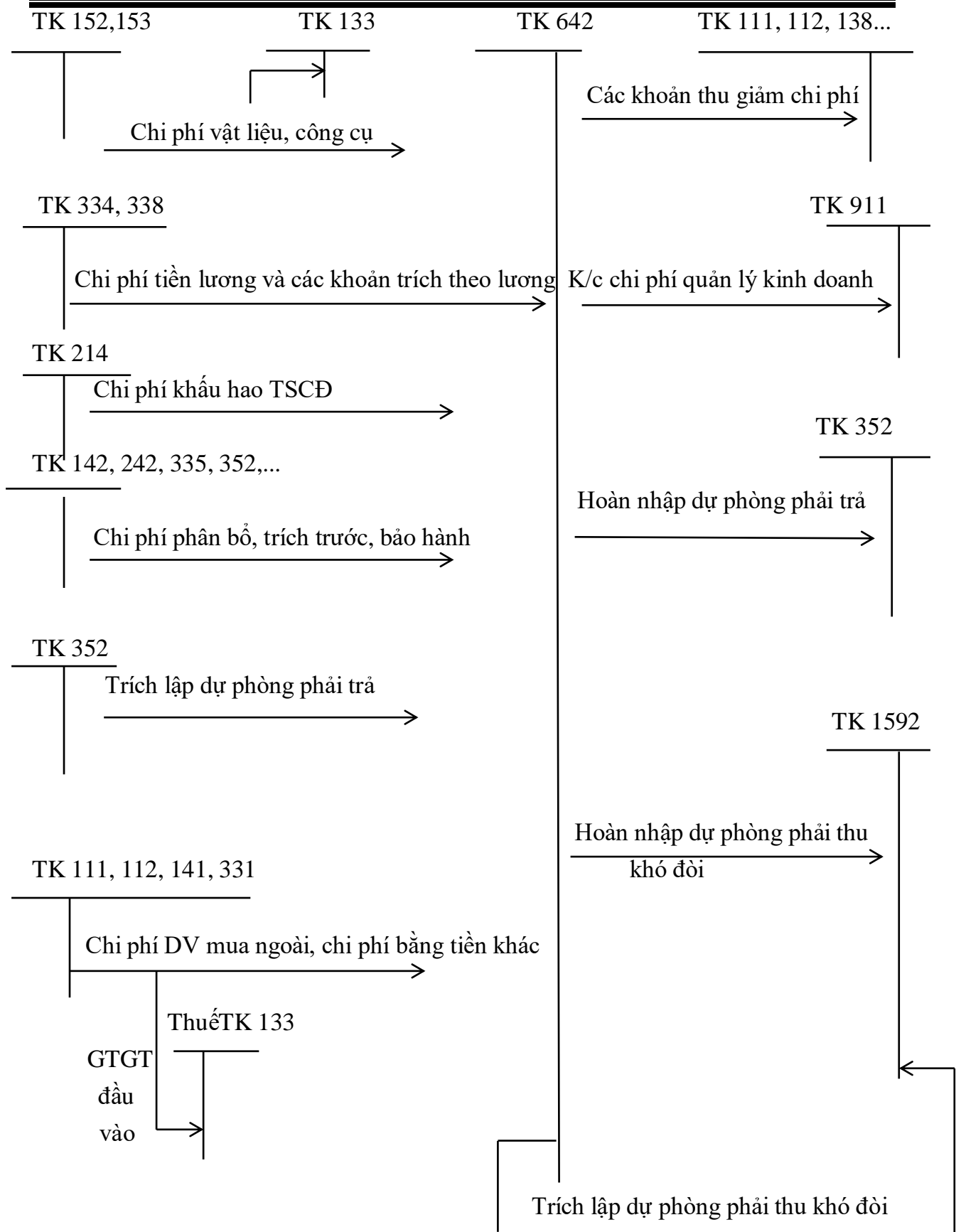
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán giá chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Biên bản đánh giá tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản góp vốn liên doanh
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 711** - Thu nhập khác
 - Kết cấu

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- ❖ **Tài khoản 811** - Chi phí khác

- Kết cấu

Bên nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

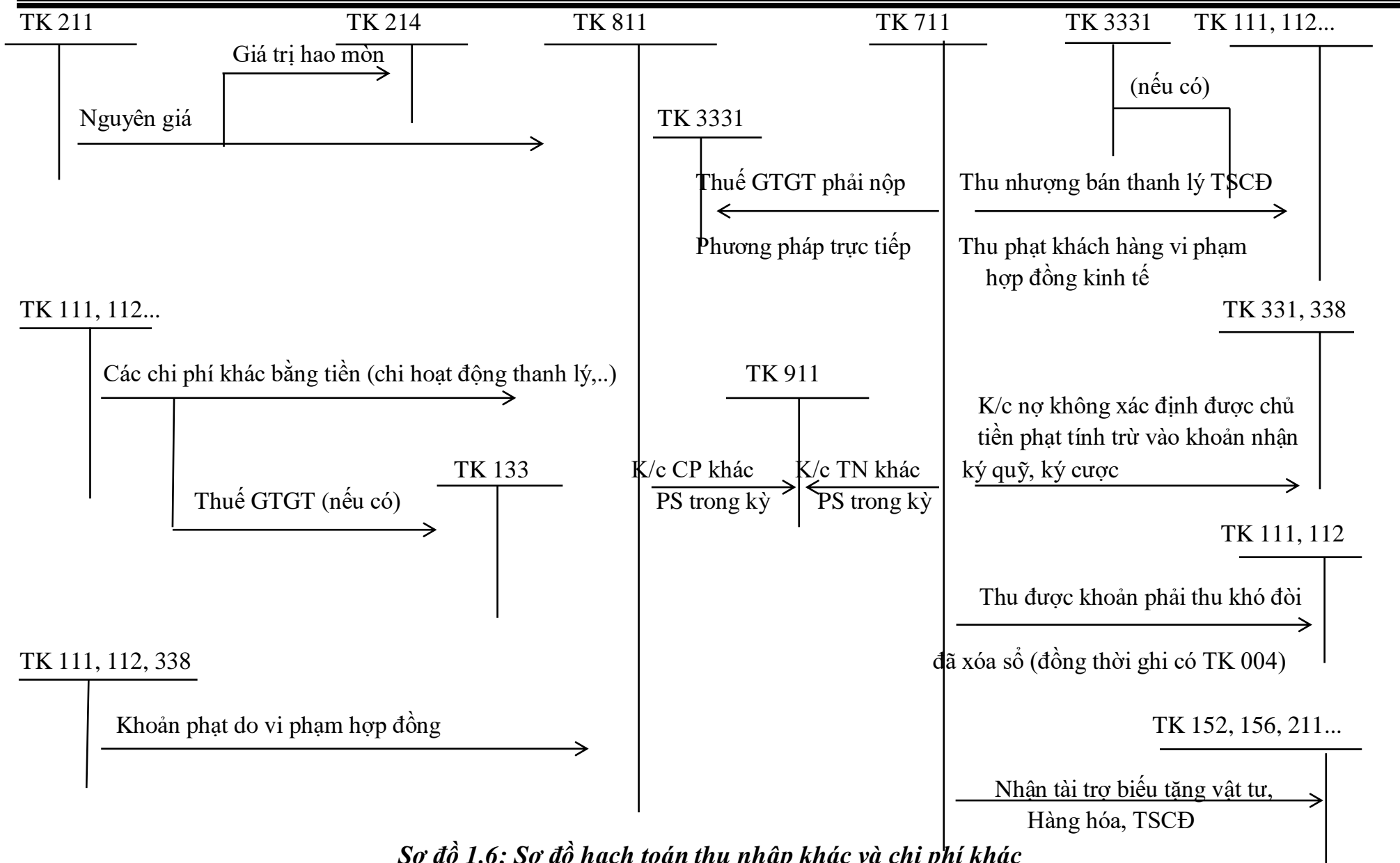
Bên có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 6 như sau:



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- ❖ **Tài khoản 911** - Xác định kết quả kinh doanh

- Kết cấu

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

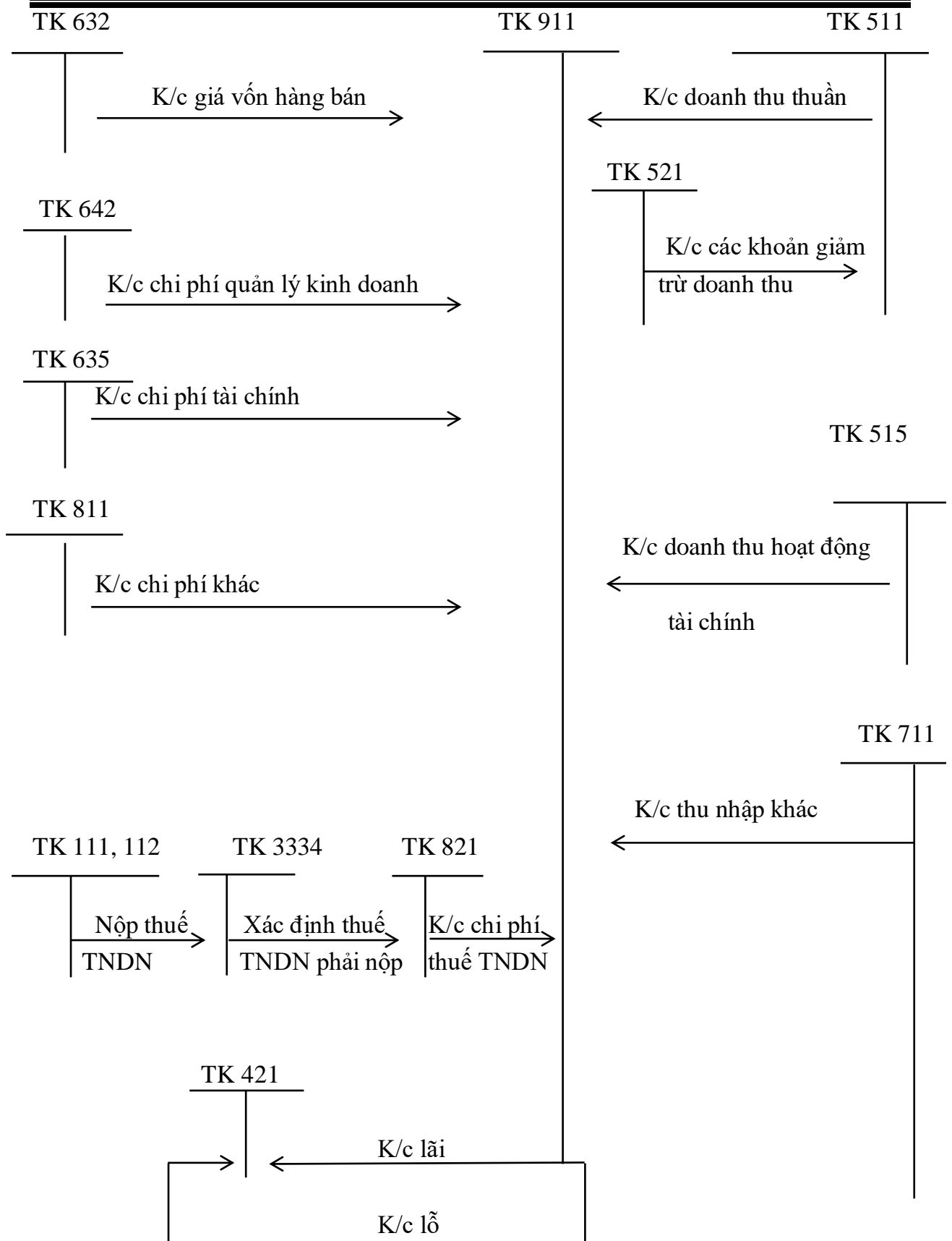
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC VÀ QUYẾT ĐỊNH 48/2006/QĐ-BTC

1.3.1 Về chứng từ và sổ kế toán:

- Thông tư 133: Doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán phù hợp với quy định.

- Quyết định 48: Doanh nghiệp xây dựng chứng từ và sổ kế toán theo những mẫu quy định trong Quyết định 48.

1.3.2 Nguyên tắc kế toán và bút toán định khoản.

Thông tư 133:

- Chỉ quy định nguyên tắc kế toán.
- Không hướng dẫn chi tiết các bút toán định khoản. Doanh nghiệp tự thực hiện bút toán ghi sổ sao cho phù hợp quy trình luân chuyển chứng từ miễn sao BCTC đúng.
- Doanh nghiệp tự lựa chọn đồng tiền ghi sổ kế toán khi đáp ứng được các tiêu chí Chế độ quy định.
- Doanh nghiệp được tự quyết định ghi hoặc không ghi doanh thu từ các giao dịch nội bộ mà không phụ thuộc chứng từ xuất ra.
- Doanh nghiệp được tự quy định cho đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận khoản vốn mà nhận từ doanh nghiệp là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu.
- Doanh nghiệp được lựa chọn biểu mẫu BCTC theo tính thanh khoản giảm dần hoặc phân biệt ngắn hạn, dài hạn theo truyền thống...

Quyết định 48:

- Quy định chi tiết các bút toán định khoản.
- Ghi sổ theo Đồng Việt Nam
- Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ căn cứ vào các chứng từ xuất ra là Hóa đơn GTGT hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- Quy định rõ biểu mẫu BCTC và doanh nghiệp phải áp dụng.

1.4 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 4 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

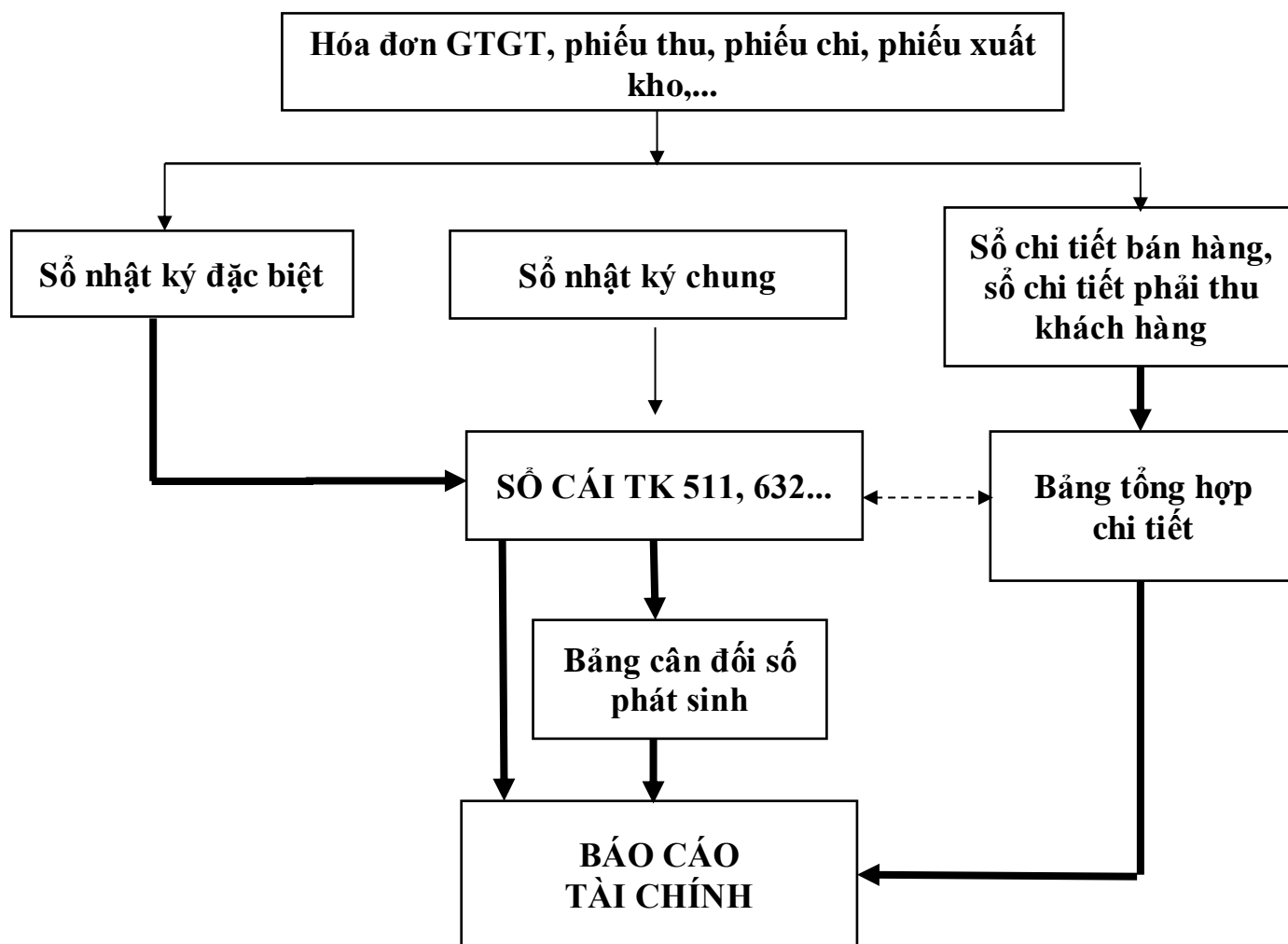
Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.4.1 Hình thức kế toán nhật ký chung



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: - - - - ->

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

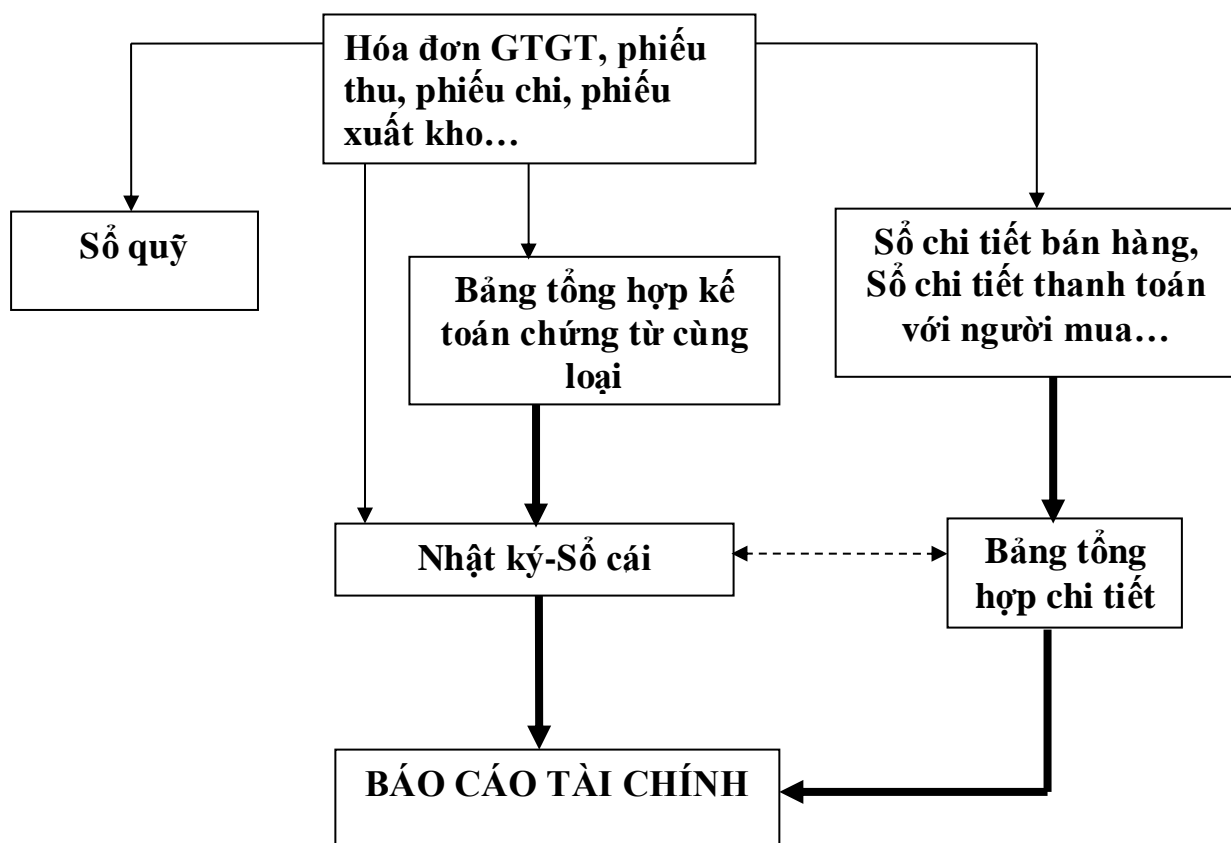
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (Hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dung để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký- Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

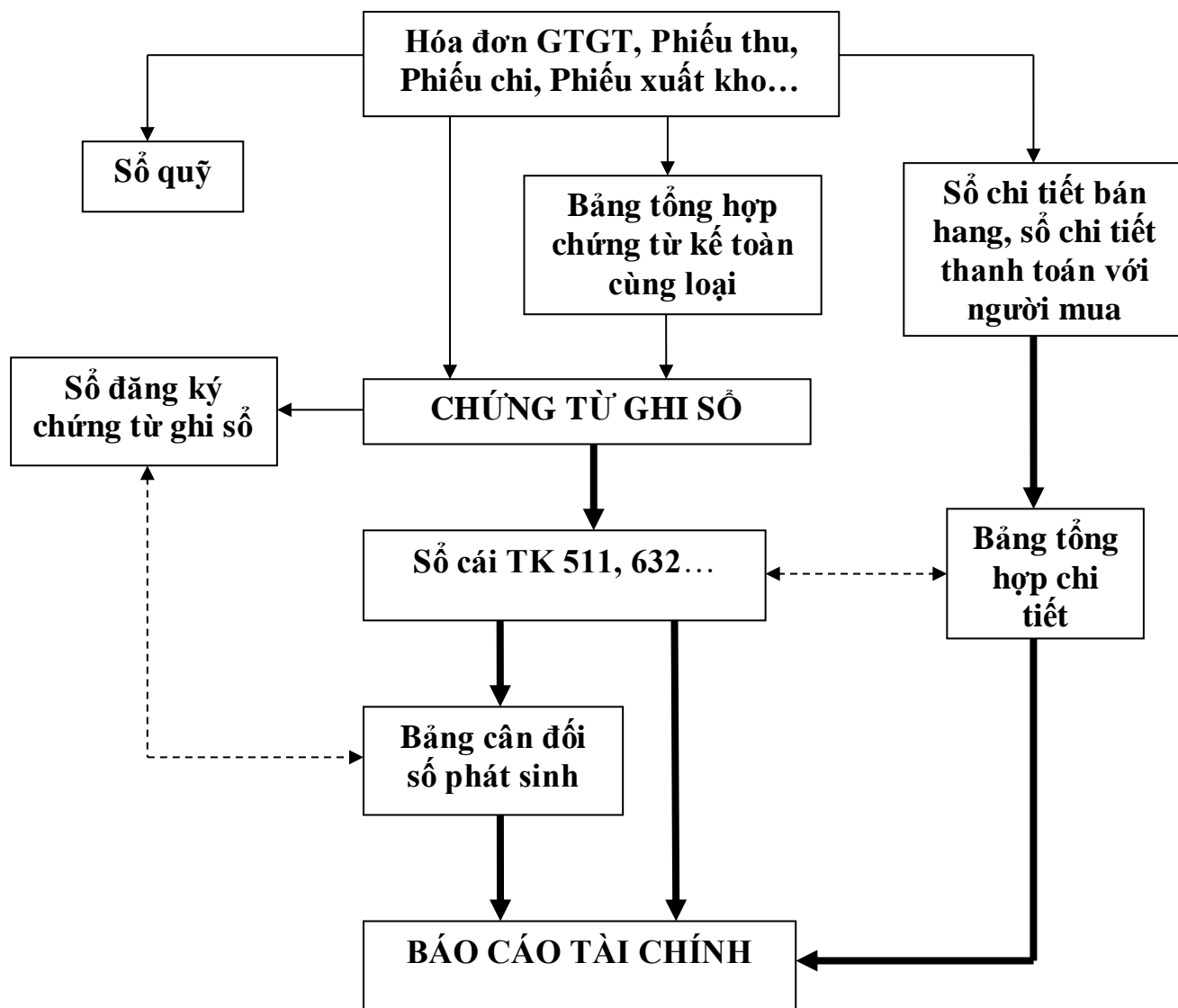
$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{nợ của tất cả các} \\ \text{Tài Khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{có của tất cả các} \\ \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư có các Tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa

sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.4.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: - - - - ->

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

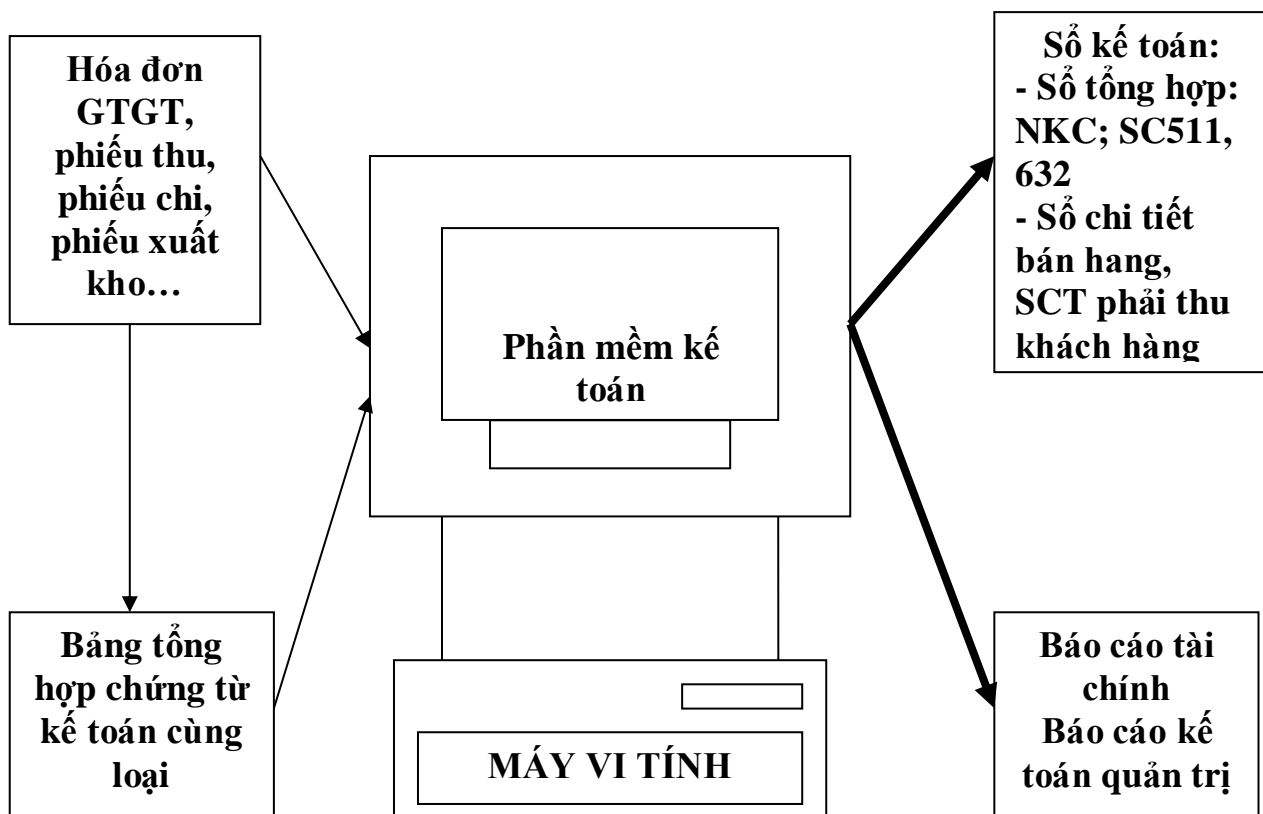
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dung làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ Lập Chứng từ ghi sổ được dung để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dung để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.4.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính**Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \dashrightarrow

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ cái ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ ào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính

xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU****2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

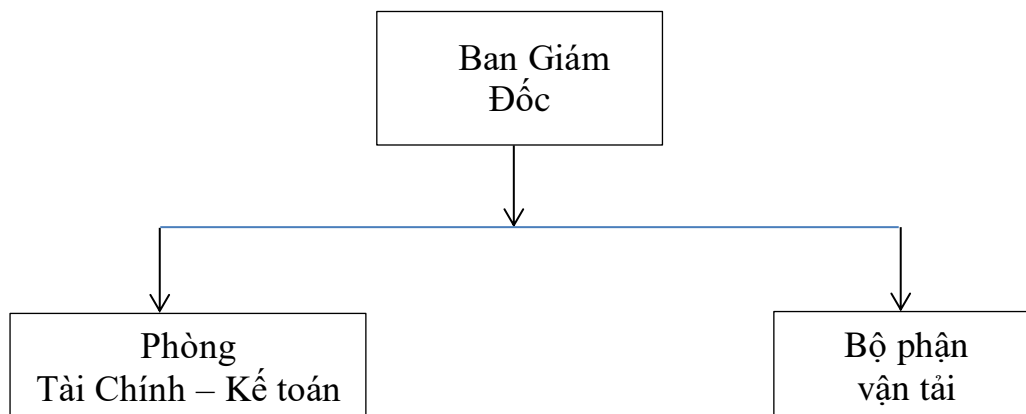
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU là công ty chuyên bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ và bốc xếp hàng hóa.

- Tên doanh nghiệp : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU
- Địa chỉ : Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại : 020 3824743/ 020 3611024
- Mã số thuế : 5700391189
- Vốn điều lệ : 1.800.000.000 (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng)
- Người đại diện pháp lý : Lê Văn Thân
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn
- Quy mô : Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu thành lập ngày 12 tháng 16 năm 2002. Từ khi thành lập tới nay, công ty luôn tự vận động để theo kịp sự phát triển và thay đổi của nền kinh tế. Với đội ngũ cán bộ, công nhân viên giàu kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm cao... cùng với trang thiết bị, phương tiện đủ để đảm bảo cung cấp vật liệu xây dựng đến các công trình lớn nhỏ trên toàn tỉnh Quảng Ninh. Công ty luôn hoàn thành sản lượng khoán của từng nhà máy và càng ngày càng có uy tín trên thị trường, đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống người lao động.

Trong một số năm trở lại đây, sản xuất kinh doanh của công ty phát triển, đời sống của cán bộ, công nhân viên được nâng lên rõ rệt.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Chức năng của từng phòng ban

➤ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

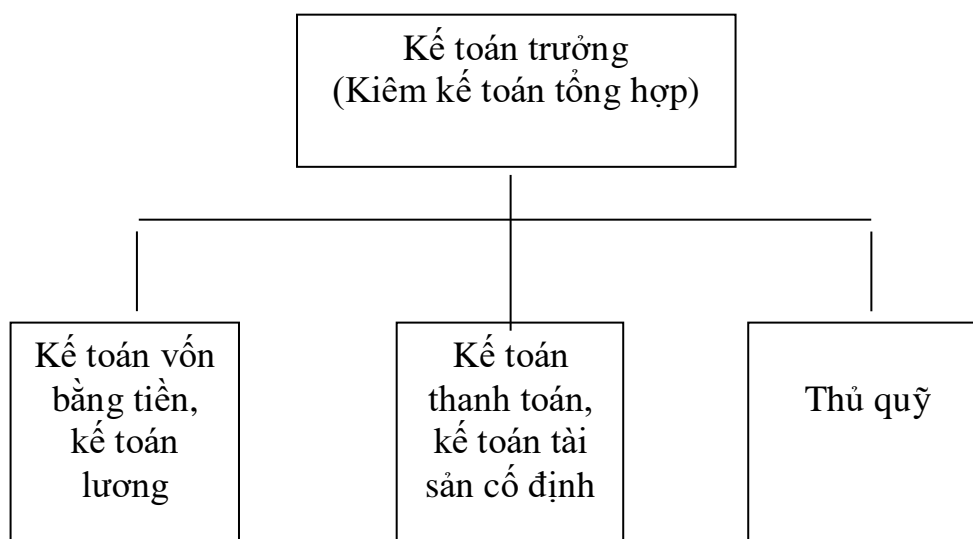
➤ **Bộ phận vận tải:**

- Nơi các lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa. Thông báo phương tiện hỏng, đóng hàng, nhận hàng, chuyển hàng hạ hàng tại nơi được nhân, tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ phương tiện,...

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung (sơ đồ 2.2), toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Chứng từ kế toán sẽ được gửi về phòng kế toán công ty để lập Báo cáo tài chính. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chắc chắn phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phần hành nghiệp vụ.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Kế toán trưởng (kiêm kế toán tổng hợp): Ngoài việc kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, lập báo cáo tài chính của công ty, tổ chức thông tin, phân tích hoạt động kinh doanh, tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán, tổ chức kế toán tổng hợp và chi tiết các nội dung hạch toán khác như: tài sản cố định, nguồn vốn kinh doanh và các quỹ. Phát hiện, kiểm tra lại nhưng thiếu sót của cấp dưới, phụ trách công tác kế toán của toàn công ty, chịu trách nhiệm trước cấp trên về mọi hoạt động tài chính. Chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán của công ty, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện.

Kế toán vốn bằng tiền và kế toán tiền lương: Kế toán tổng hợp chi tiết tình hình thu chi các loại tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và hạch toán chi tiết tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn. Kiểm tra tình hình tính lương trả lương đối với công nhân viên.

Kế toán tài sản cố định và kế toán thanh toán: Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh số liệu một cách đầy đủ kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ. Tính toán, phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ. Theo dõi tình hình công nợ phải thu về tiền bán hàng các dịch vụ để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ kinh doanh. Đồng thời theo dõi tình hình các khoản nợ phải trả, những hợp đồng đã kí kết, tình hình thanh toán, quyết toán các hợp đồng. Phản

ánh tình hình vay, trả tiền vay, thanh toán tiền công nợ với nhà nước về các khoản nộp.

Thủ quỹ: Căn cứ vào chứng từ thu chi đã được phê duyệt thủ quỹ có nhiệm vụ giữ quỹ tiền mặt và thu chi tiền mặt.

2.1.3.2 Tổ chức hệ thống kế toán, các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

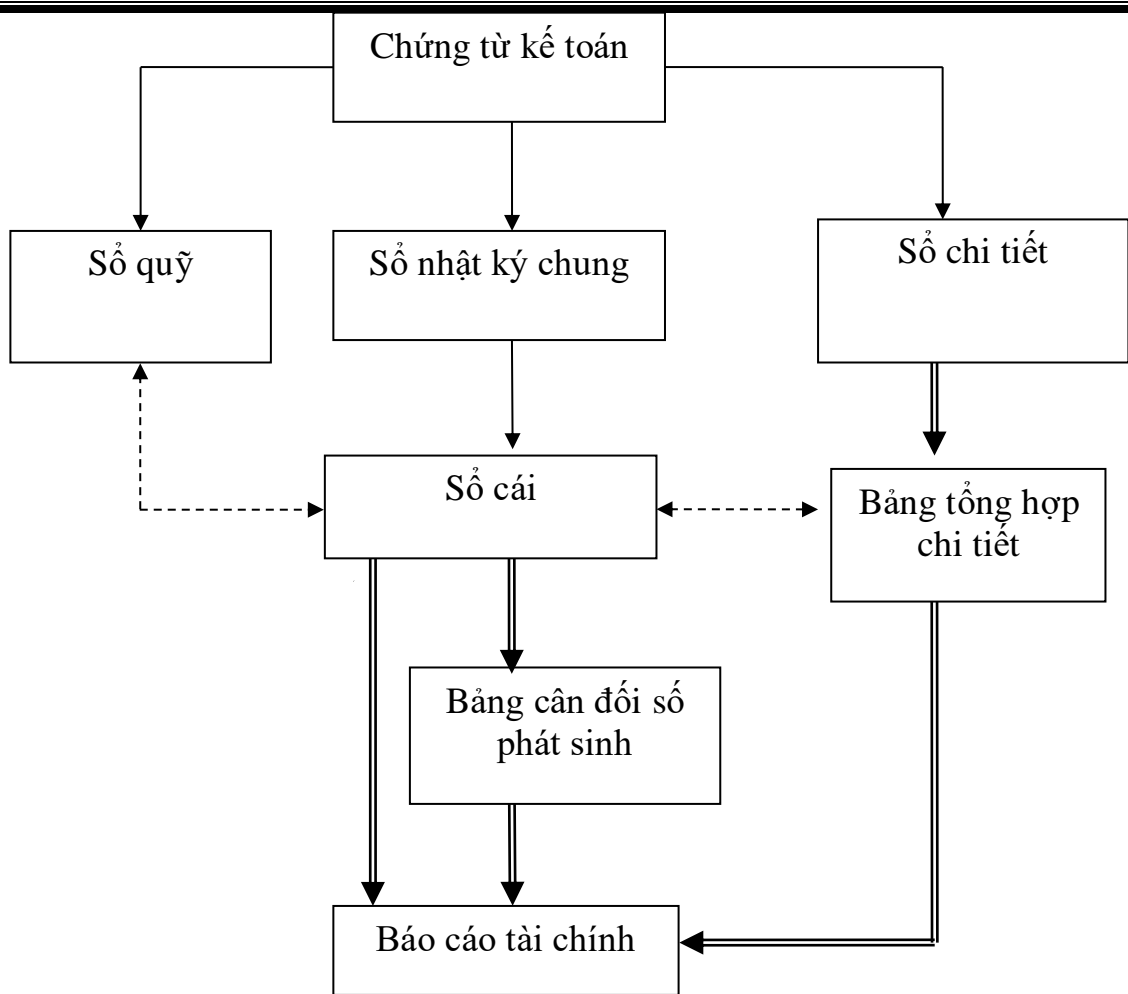
*** Tổ chức hệ thống sổ kế toán:**

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

Mỗi ngày dựa vào các chứng từ hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi..., các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép vào sổ Nhật kí chung. Dựa vào số liệu từ sổ Nhật kí chung để vào các sổ cái theo từng Nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: →

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

*** Chính sách và các phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- *Niên độ kế toán*: công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán* : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.
- *Phương pháp khấu hao TSCĐ áp dụng* : Phương pháp khấu trừ đường thẳng
- *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu* : theo chuẩn mực số 14
- *Phương pháp tính thuế GTGT* : Theo phương pháp khấu trừ
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Công ty hạch toán hàng tồn kho

theo phương pháp kê khai thường xuyên giá trị hàng tồn kho bao gồm giá mua cộng với thuế nhập khẩu, chi phí vận chuyển bốc dỡ...

- *Phương pháp tính giá xuất kho*: bình quân liên hoàn.

- *Hình thức kế toán*: hình thức sổ kế toán mà công ty đã và đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

* **Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán**

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ tài chính, hệ thống chứng từ của công ty theo đúng quyết định của Bộ Tài chính.

* **Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính**

Theo quy định hiện hành hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03-DNN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09-DNN)

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

2.2.1.1 Nội dung doanh thu của công ty

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu là một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, do đó doanh thu chủ yếu của công ty từ việc cung cấp các hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container.

- Phương thức cung cấp dịch vụ tại công ty là phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp. Hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký giữa các bên cung cấp dịch vụ và bên nhận dịch vụ.

- Hình thức thanh toán sẽ được thực hiện:

+ Hình thức thanh toán ngay: khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty thu được tiền ngay (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng...)

+ Hình thức thanh toán chậm: Khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, công ty chưa thu được tiền ngay

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT;
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, giấy báo có;
- Các chứng từ khác có liên quan

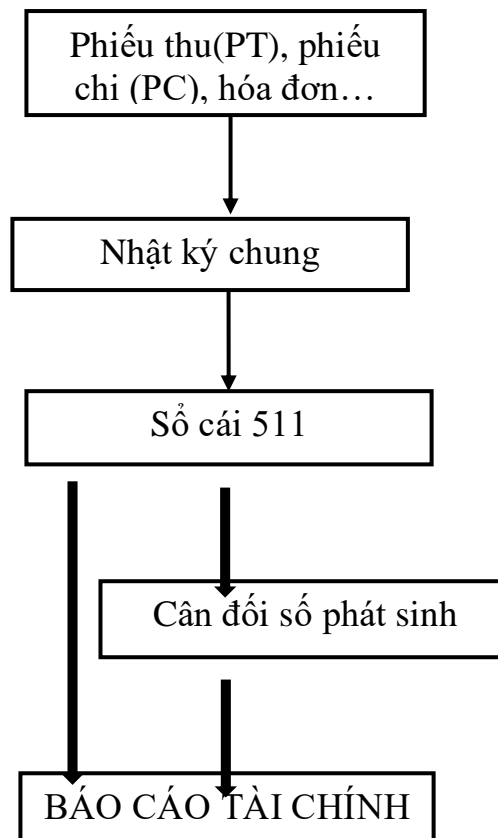
2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- TK 3331 - “Thuế GTGT đầu ra”
- TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”
- Các tài khoản khác

2.2.1.4 Quy trình hạch toán

Khi nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của khách hàng kế toán lập hợp đồng cung cấp dịch vụ. Sau khi hợp đồng được ký thì công ty tiến hành cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng khi hoạt động cung cấp dịch vụ hoàn thành, kế toán sẽ lập bảng kê chi tiết cước vận tải đồng thời lập hóa đơn GTGT về cung cấp dịch vụ.

- Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:
 - + Liên 1: Màu tím, lưu tại cuống gốc để tại phòng kế toán.
 - + Liên 2: Màu đỏ, chuyển cho khách hàng làm chứng từ thanh toán.
 - + Liên 3: Màu xanh, làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.
- Đối với phiếu thu. Khi khách hàng nộp tiền kế toán lập 2 liên:
 - + Liên 1: Lưu tại phòng kế toán làm căn cứ để nhập dữ liệu vào sổ sách liên quan.
 - + Liên 2: Giao cho khách hàng



Sơ đồ 2.4: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng:

Quy trình hạch toán: \longrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, 112, 511, 333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC

2.2.1.5 Ví dụ minh họa

VD: Từ bảng kê cước vận chuyển số 03/12/2016/SS-VP kế toán lập hóa đơn 000814 ngày 03/12/2016 công ty vận chuyển cho công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng một lô hàng gồm 05 cont đến Đông Anh, Hà Nội với giá 22.250.000 (chưa bao gồm VAT). Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 131: 24.475.000

Có TK 511: 22.250.000

Có TK 3331: 2.225.000

Biểu 2.1a: Bảng kê cước vận chuyển

BẢNG KÊ CƯỚC VẬN CHUYỂN SỐ 3/12/2016/ SS-VP
(Kèm hóa đơn GTGT số 000814 ngày 03 tháng 12 năm 2016)

STT	Ngày tháng	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=6x5</i>
1	03/12/2016	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
2	03/12/2016	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
3	03/12/2016	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
4	03/12/2016	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
5	03/12/2016	Đông Anh, Hà Nội	Chuyến	1	4.450.000	4.450.000
Tổng				5		22.250.000
VAT						2.250.000
Tổng cộng						24.475.000

Số tiền bằng chữ: hai mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

Biểu 2.1b: Hóa đơn GTGT số 814

HÓA ĐƠN			GIÁ TRỊ GIA TĂNG		
Liên 3: Lưu nội bộ			Ngày 03 tháng 12 năm 2016		
			Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/16B Số: 000814		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU					
Mã số thuế : 5700391189					
Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Số tài khoản : 440 100 000 0231-3					
Điện thoại : 020 33824743					
Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Huy Hoàng					
Mã số thuế: 0101474165					
Địa chỉ: Thôn Gia Quất, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển hàng hóa từ Quảng Ninh đến Hà Nội (kèm theo bảng kê 3/12/3016)	Chuyến	05	4.450.000	22.250.000
Cộng tiền hàng:					22.250.00
Thuế suất: 10%			Thuế GTGT:		2.225.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					24.475.000
Số tiền viết bằng chữ: hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Kí, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào chi tiết

TK131

Biểu 2.2: Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
29/11	HĐ788	29/11	Cước vận chuyển cho công ty Hoa Phượng	131		17.105.000	
					511		15.550.000
					3331		1.555.000
30/11	HĐ790	30/11	Cước vận chuyển cho Công ty Hưng Thành	131		64.350.000	
					511		58.500.000
					3331		5.850.000
03/12	HĐ 000081 4	03/12	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	131		24.475.000	
					511		22.250.000
					3331		2.350.000
04/12	PT0195	04/12	Cước vận chuyển cho Hà Thái	111		5.885.000	
					511		5.350.000
					3331		535.000
...				
			Cộng chuyển sang trang				
			Cộng phát sinh			47.326.726.479	47.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511, sổ cái TK131

Biểu 2.3: Sổ cái TK 511

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			

29/11	HD788	29/11	Cước vận chuyển cho công ty Hoa Phượng	131		15.550.000
30/11	HD790	30/11	Cước vận chuyển cho Công ty Hưng Thành	131		58.500.000
03/12	HD814	03/12	Cước vận chuyển cho Huy Hoàng	131		22.250.000
04/12	PT195	04/12	Cước vận chuyển Hà Thái	111		5.350.000

			Cộng số phát sinh		5.965.080.227	5.965.080.227
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn bán hàng

2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất tương đối giản đơn, không trải qua nhiều công đoạn phức tạp trong quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo.

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn. Theo phương pháp này tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kì bằng tổng giá thành dịch vụ cung cấp trong kỳ. Do đó tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải như xăng, tiền lương lái xe, khấu hao xe,... đều được tập hợp và hạch toán vào TK 154, cuối kỳ kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn.

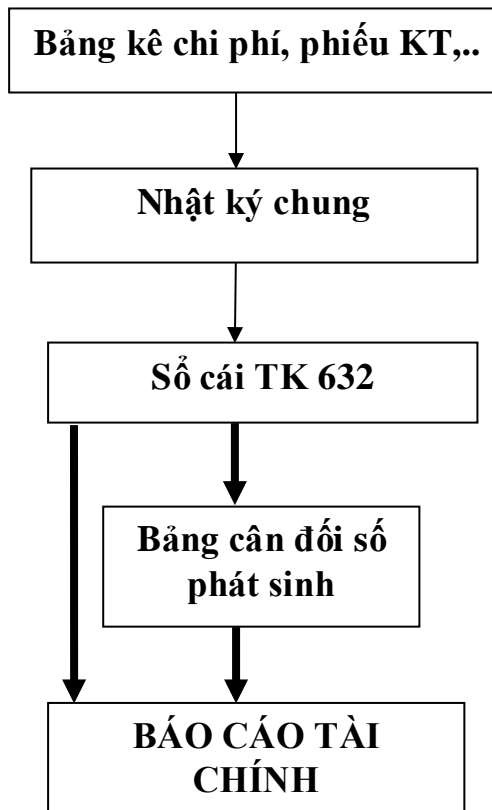
2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng kê các chi phí
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- TK 154: chi phí SX
- TK 156: hàng hóa
- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 111, 112...

2.2.2.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.2.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 01/12/2016 công ty mua 4 bình ắc quy cho bộ phận xe vận chuyển của công ty TNHH Thương mại Hòn Gai theo HĐ 0000522

Nợ TK 154: 5.936.364

Nợ TK 133: 593.636

Có TK: 6.530.000

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GTKT3/001		
Liên 2: Giao cho khách hàng			Ký hiệu: AA/14P		
Ngày 1 tháng 12 năm 2016			Số: 0000522		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI HÒN GAI Mã số thuế: 5700692951 Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Cao Xanh, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Số tài khoản: (Account code) : 440 100 000 0231-4 Tại: Ngân hàng đầu tư và phát triển Quảng Ninh Điện thoại (tel): 020 33824743 Fax: 0203 611024					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổTNHH Thương mại Yết Kiêu Mã số thuế:..5700650277 Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Hình thức thanh toán: Tiền Mặt.....; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Mua ắc quy cho bộ phận xe vận chuyển	Bình	04	1.484.091	5.936.364
Cộng tiền hàng:					5.936.364
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			593.636
Tổng cộng tiền thanh toán					6.530.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra , đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Mẫu số 02-TT

Đơn vị: Công ty TNHH
Thương mại Yết Kiêu

PHIẾU CHI

Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1,
Phường Yết Kiêu, Thành phố
Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Ngày 01 tháng 12 năm
2016

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số: 11/12

Nợ TK 154: 5.936.364
Nợ TK 133: 593.636
Có TK111: 6.530.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Diễm

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Hòn Gai

Lý do chi: trả tiền hóa đơn 0000522

Số tiền: 6.530.000

(Viết bằng chữ): Sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 1 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn

Biểu 2.4: Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
...
1/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	154		5.936.364	
				133		593.636	
					111		6.530.000
1/12	PC92	01/12	Mua bảo hiểm cho xe 16H24456	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
...	
31/12	PKT3 1	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		5.094.849.428	
					154		5.094.849.428
31/12	PKT3 3	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	911		5.094.849.428	
					632		5.094.849.428
...
			Cộng phát sinh			47.326.726.479	47.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 154

Biểu 2.5: Sổ cái TK 154

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

Đơn vị tính: VND

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày tháng ghi sổ	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
			...			
01/12	PC91	01/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe v/c	111	5.936.364	
01/12	PC91	01/12	Mua bảo hiểm cho xe 16H24456	111	2.303.000	

31/12	BPB KH12	31/12	Trích khấu hao tháng 12	214	100.570.786	
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	632		5.094.849.428
			Cộng số phát sinh		5.094.849.428	5.094.849.428
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí liên quan đến hoạt động vận tải hàng hóa thì kế toán lập bảng kê các chi phí phát sinh theo mỗi hợp đồng vận tải như xăng, phí cầu đường,..và các chi phí phát sinh khác như bảo hiểm xe, khấu hao xe,.. sau đó ghi vào Nhật Ký chung và sổ cái TK 154. Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 154 kế toán lập phiếu kế toán 31 và thực hiện bút toán kết chuyển ghi:

Biểu 2.6: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Mã số thuế : 5700391189				
PHIẾU KẾ TOÁN 31/12/2016 Số 31				
Stt	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C giá vốn dịch vụ	632	154	5.094.849.428
	Cộng			5.094.849.428
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.7: Sổ cái TK 632

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh			
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển TK154 sang tính giá vốn	154	5.094.849.428	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn dịch vụ	911		5.094.849.428
			Cộng số phát sinh		5.094.849.428	5.094.849.428
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.3.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như tiền lãi gửi Ngân hàng;

- Chi phí tài chính của Công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên năm 2016 tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu không phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

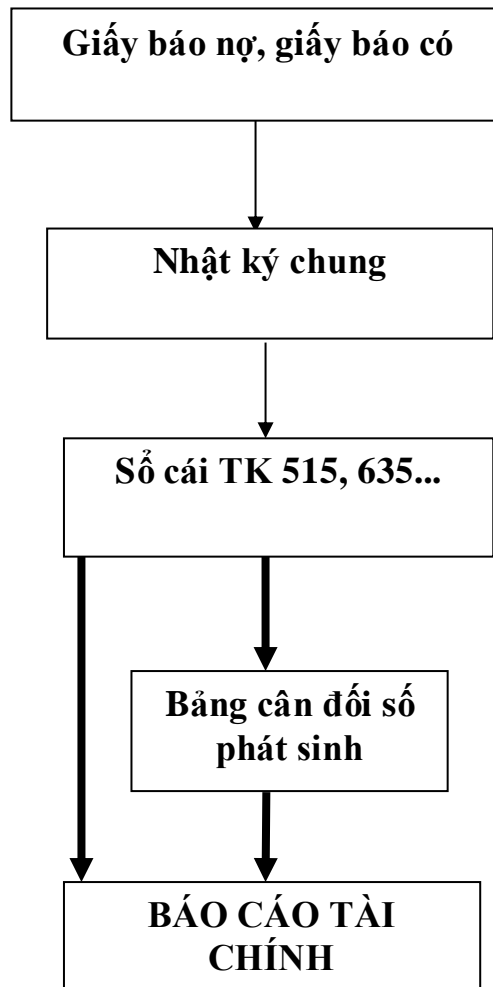
2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu trả lãi tài khoản;
- ✓ Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh;
- ✓ Phiếu thu, giấy báo có;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ hợp đồng vay vốn;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635: Chi phí tài chính
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- Và các tài khoản khác có liên quan

2.2.3.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.3.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 29/12/2016 Ngân Hàng ACB gửi giấy báo có thông báo về việc nhận lãi tiền gửi với số tiền: 93.239 VNĐ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112: 93.239

Có Tk 515: 93.239

Biểu 2.8: Giấy báo có

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV 44048

Chi nhánh: ACB Quảng Ninh

Ngày: 29/12/2016

Mã kh

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Mã số thuế: 5700391189

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 21137219

Số tiền bằng số: 93,239.00

Số tiền bằng chữ: *chín mươi ba nghìn hai trăm ba mươi chín nghìn đồng chẵn*

Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Từ chứng từ trên kế toán định khoản các nghiệp vụ phát sinh và ghi vào nhật ký chung.

Biểu 2.9: Nhật ký chung

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh				Mẫu số S03a - DNN Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC			
NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2016							
Đơn vị tính : VNĐ							
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
		
1/12	PC91	1/12	Mua 04 bình ắc quy cho bộ phận xe vận chuyển	154		5.936.364	
				133		593.636	
					111		6.530.000
1/12	PC91	1/12	Mua bảo hiểm cho xe 16H24456	154		2.303.000	
				133		224.300	
					111		2.527.300
...
23/12	PC140	23/12	Trả phí dịch vụ chuyển phát nhanh	154		50.000	
					111		50.000
...
29/12	GBC44048	29/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH ACB 2016	112		93.239	
					515		93.239
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.527.263	
					911		1.527.263
		
			Cộng phát sinh			47.326.726.479	47.326.726.479
Ngày 31 tháng 12 năm 2016							
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)			

Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515

Biểu 2.10: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh				Mẫu số S03b - DNN Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC		
<p>SỔ CÁI Năm 2016 Loại TK: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: 515</p>						
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			

25/12	GBC 44048	25/12	Nhận lãi tiền gửi từ NH ACB 2016	112		93.239

31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.527.263	
			Cộng số phát sinh		1.527.263	1.527.263
Ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí về lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng...

2.2.4.2 Chứng từ sử dụng

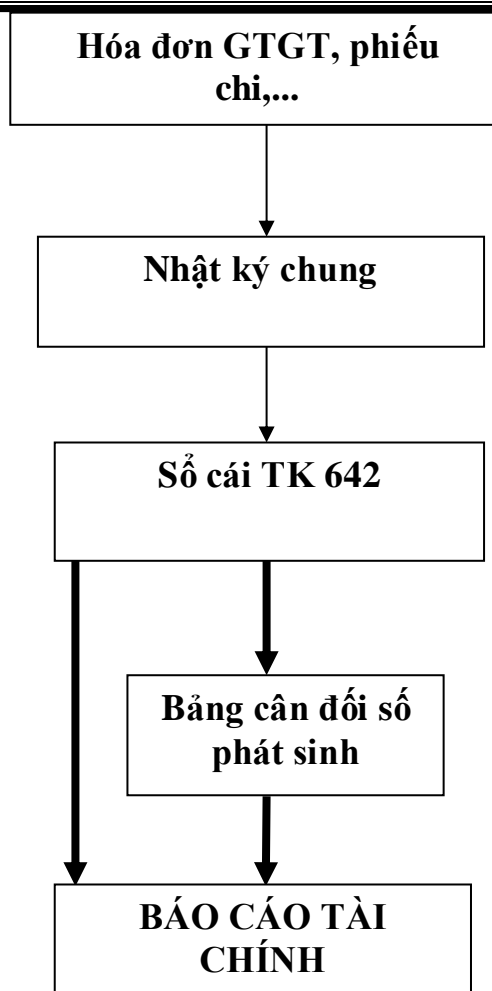
- ✓ Hóa đơn GTGT;
- ✓ Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng;
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương;
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ;
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan..

2.2.4.3 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Các TK khác liên quan như: TK 111, 112, 131...

2.2.4.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả như sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

2.2.4.5 Ví dụ minh họa

VD: Ngày 11/10 Yết Kiêu thanh toán tiền nước uống tinh khiết quý 3/2016 bằng tiền mặt cho công ty TNHH Đất Quảng. Gồm 72 bình 19 lít đơn giá 27.272đ/ bình (chưa VAT).

Nợ TK 642:	1.963.636
Nợ TK 133:	196.364
Có TK 111:	2.160.000

Biểu 2.11: Hóa đơn

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao người mua Ngày 11 tháng 10 năm 2016</p>			Mẫu số: 01GTKT3/001 Kí hiệu: AA/16B Số: 0000035		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẤT QUẢNG Mã số thuế : 5700783622 Địa chỉ: Số 30-B7, phường Cao Xanh, TP. Hạ Long, Quảng Ninh Số tài khoản : 2111211004396 tại ngân hàng Agribank - CN Quảng Ninh Điện thoại : 0203. 368261 Fax: 020379005 Họ và tên người mua hàng:					
Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu Mã số thuế: 5700391189 Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Nước uống tinh khiết quý 3/2016	Bình	72	27.272	1.963636
Cộng tiền hàng:					1.963.636
Thuế suất: 10% Thuế GTGT:					196.364
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.160.000
Số tiền viết bằng chữ: hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.12: Phiếu chi 121

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
 Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long,
 Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 02 - TT
 Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

PHIẾU CHI
 Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Số: PC121
Nợ TK: 642; 1331
Có TK: 111

Họ và tên người nhận: Công ty TNHH Đất Quảng
 Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Lý do chi: Thanh toán nước uống tinh khiết quý 3 năm 2016

Số tiền: 2.160.000 VND

Bằng chữ: hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng

Kèm theo: chứng từ kế toán

Đã nhận đủ số tiền: : hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng

Ngày 11 tháng 10 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ quỹ
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký)</i>	<i>(Ký)</i>	<i>(Ký)</i>	<i>(Ký)</i>

Biểu 2.13: Sổ cái TK 642

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kì			

11/10	PC121	11/10	Chi tiền nước uống quý 3/2016	111	1.963.636	

29/10	PC135	29/10	Thanh toán cước điện thoại di động Mobifone	111	299.999	

31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911		775.522.263
			Cộng SPS		775.522.263	775.522.263
			Số dư cuối kì			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu trong năm 2016 không phát sinh khoản thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu

Năm 2016, Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu có kết quả kinh doanh bao gồm:

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính

Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty:

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = LNHSXKD + LNHTC + LNHD \text{ khác}}$$

Cụ thể:

$$\begin{aligned} \text{LNHSXKD} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí QL kinh doanh} \\ &= 5.965.080.227 - 5.094.849.428 - 775.522.263 \\ &= 94.708.536 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{LNHTC} &= \text{Doanh thu TC} - \text{Chi phí TC} \\ &= 1.527.263 - 0 \\ &= 1.527.263 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{KQKD} &= 94.708.536 + 1.527.263 \\ &= 96.235.799 \end{aligned}$$

$$\text{Chi phí TNDN} = 19.247.160$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 76.988.639$$

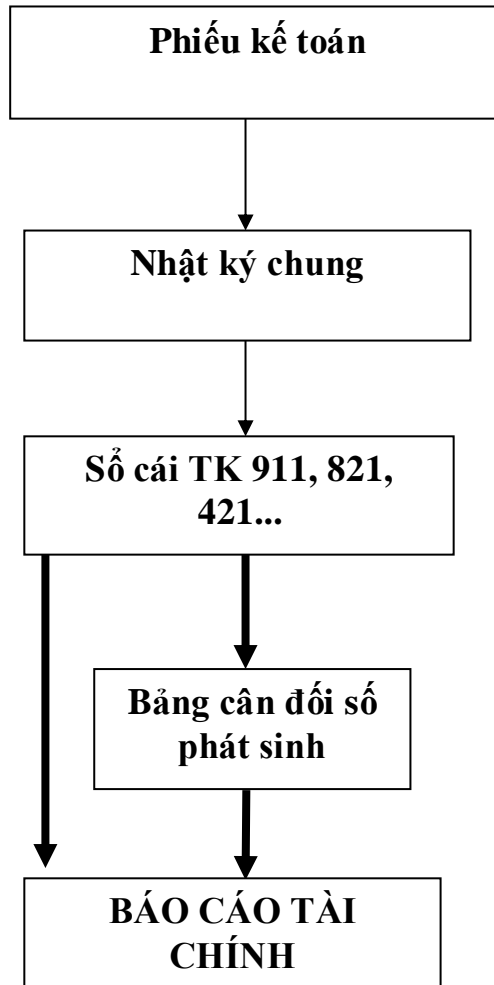
2.2.6.2 Chứng từ sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.

2.2.6.3 Tài khoản sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 821: Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

2.2.6.4 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng:

2.2.6.5 Ví dụ minh họa

Ngày 31 tháng 12, kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh của năm 2016

Biểu 2.14: Phiếu kế toán

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế : 5700391189

PHIẾU KẾ TOÁN

31/12/2016

Số 32

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	5.965.080.227
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.527.263
	Cộng			5.966.607.490

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.15: Phiếu kê toán

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5700391189

PHIẾU KÊ TOÁN
31/12/2016
Số 33

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.094.849.428
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	775.522.263
	Cộng			5.870.371.691

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Mã số thuế: 5700391189

PHIẾU KÊ TOÁN
31/12/2016
Số 34

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế TNDN	821	3334	19.247.160
	Cộng			19.247.160

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.16: Phiếu kê toán

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
 Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
 Mã số thuế: 5700391189

PHIẾU KÊ TOÁN
 31/12/2016
 Số 35

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	19.247.123
	Cộng			19.247.123

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
 Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
 Mã số thuế: 5700391189

PHIẾU KÊ TOÁN
 31/12/2016
 Số 36

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	76.988.639
	Cộng			76.988.639

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ (Ký, ghi rõ họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--

Biểu 2.17: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP. Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			SDDK					
31/12	PKT 34	31/12	Xác định thuế TNDN			3334	19.247.160	
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển thuế TNDN			911		19.247.160
			Cộng phát sinh				19.247.160	19.247.160
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	Nợ	Có
	
31/12	PKT 32	31/12	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		5.965.080.227	
					911		5.965.080.227
31/12	PKT 32	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515		1.527.263	
					911		1.527.263
31/12	PKT 33	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	911		5.094.849.428	
					632		5.094.849.428
31/12	PKT 33	31/12	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		775.522.263	
					642		775.522.263
31/12	PKT 34	31/12	Chi phí thuế TNDN	821		19.247.160	
					3334		19.247.160
31/12	PKT 35	31/12	K/c Chi phí thuế TNDN	911		19.247.160	
					821		19.247.160
31/12	PKT 36	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		76.988.639	
					421		76.988.639
			Cộng phát sinh			47.326.726.479	47.326.726.479

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18: Sổ cái TK 911

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm					
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			511		5.965.080.227
31/12	PKT32	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			515		1.527.263
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	5.094.849.428	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			642	775.522.263	
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			821	19.247.160	
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển kết quả kinh doanh			421	76.988.639	
			Cộng phát sinh				5.966.607.490	5.966.607.490
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.19: Báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	A	B	C	1	2
1	.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.965.080.227	6.531.717.479
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		5.965.080.227	6.531.717.479
4	Giá vốn hàng bán	11		5.094.849.428	5.645.583.062
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		870.230.799	886.134.417
6	Doanh thu hoạt động TC	21		1.527.263	2.128.218
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	-Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý kinh doanh	24		775.522.263	862.490.375
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 =20+21-22-24-25)	30		96.235.799	25.772.260
11	.Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		96.235.799	25.772.260
15	Thuế TNDN Hiện hành	51		19.247.169	5.154.452
16	Thuế TNDN Hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		76.988.639	20.617.808
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG
TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU**

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho công tác quản lý, các nhà quản trị đưa ra những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để làm được điều đó việc tổ chức bộ máy kế toán góp một phần không nhỏ. Trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần Sun Sun em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm, nhược điểm sau đây:

3.1.1. Ưu điểm**a. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty**

- Về bộ máy kế toán: công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản và hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán sử dụng theo đúng Quyết định 48 của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

- Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng: phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ

được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá sản phẩm hàng năm.

- Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

b. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán, tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác, kịp thời: phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

- Về công tác kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng, kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 nội bộ làm căn cứ ghi sổ kế toán.

- Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn với các hàng hóa mua về bán, với hoạt động kinh doanh vận tải giá vốn là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động vận tải...

- Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

- Về công tác xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách dễ dàng, cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời; qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên, công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

❖ Về việc sử dụng phần mềm vào công tác kế toán

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán không lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

❖ Về sổ sách sử dụng

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh dẫn đến công ty không theo dõi được doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và khó theo dõi từng yếu tố chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

❖ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp thương mại nên quy mô các khoản phải thu khách hàng của công ty là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng nợ quá hạn. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp.

❖ Về chính sách bán hàng

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán.

Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Điều này gây ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn nhanh, vòng quay luân chuyển vốn lưu động và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty cũng chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán dẫn đến giảm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp, không thể hạn chế việc khách hàng chiếm dụng vốn của công ty.

3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI YẾT KIÊU

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh – một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với công ty nếu quản lý tốt các kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm vui cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiên hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở.

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

- ✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước
- ✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

3.2.4.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

*** Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017**

Công ty hiện đang thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định 48 ban hành ngày 14/9/2006. Từ 2017 chuyển sang thông tư 133/2016/TT-BTC, phần mềm kế toán Misa 2017 có hỗ trợ doanh nghiệp làm theo thông tư 133/2016/TT-BTC.

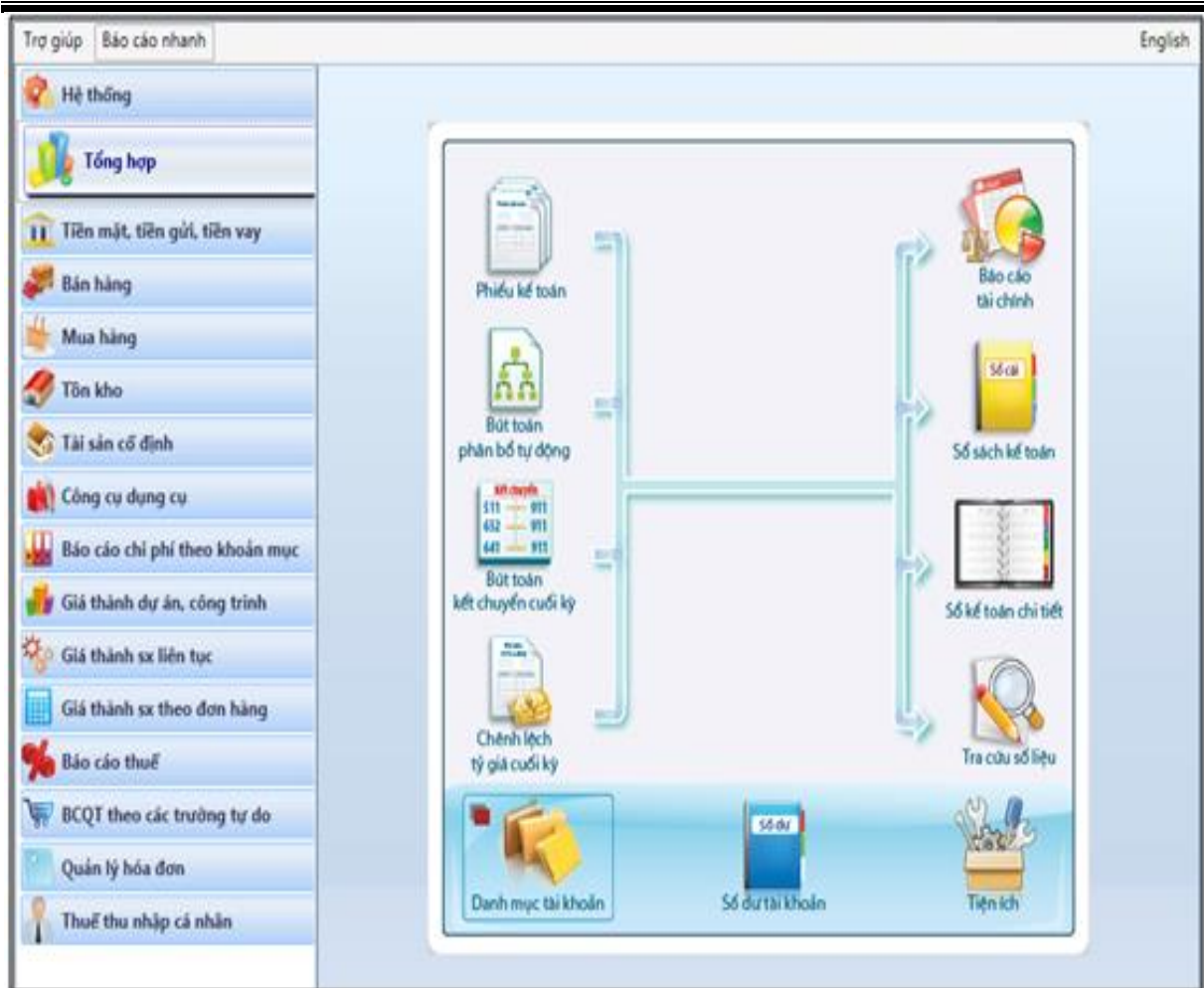
MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2017 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý

*** Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**



Giá: 6.000.000 - 8.000.000

Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

3.4.2.2 Hoàn thiện việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng, bởi vì sử dụng chính sách này sẽ giúp cho khách hàng nhanh chóng thanh toán tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

+ Phương pháp xác định: Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể kham khảo của một số doanh nghiệp cùng khối ngành tương đồng về quy mô.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả trước nợ và tỉ lệ lãi suất ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán có thể áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

+ Phương pháp hạch toán:

○ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635 : Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131....

○ Cuối kì kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911 : Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Căn cứ vào tình hình thực tế công ty hiện nay và qua tìm hiểu, em được biết lãi suất tiền gửi ngân hàng ACB năm 2016 là 0,4%/tháng đối với khoản gửi nhỏ hơn 200.000.000 đồng. Em xin đề xuất các tỷ lệ chiết khấu thanh toán như sau:

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 1 đến 15 ngày: 0,6%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn từ 16 đến 30 ngày: 0,8%/tháng

+ Khách hàng thanh toán trước hạn trên 30 ngày 1%/tháng

VD: Ngày 03/12/2016 công ty vận chuyển cho Huy Hoàng 5 cont 40' với cước vận chuyển là 22.440.000(Cả VAT). Hạn thanh toán là 23/12 . Đến ngày 13/12 Huy Hoàng đã thanh toán hết bằng tiền mặt . Huy Hoàng đã thanh toán sớm trước 10 ngày, do vậy khách hàng được hưởng mức chiết khấu thanh toán là 0,6%.

$$\text{➤ Số tiền chiết khấu} = \frac{0.6\% * 10}{31} * 22.440.000 = 43.432 \text{ đồng.}$$

Định khoản: Nợ TK 635: 43.432

Có TK 111: 43.432

Kết chuyển: Nợ TK 911: 43.432

Có TK 635: 43.432

Biểu 3.1: Sổ cái TK 635

Công ty TNHH Thương Mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b - DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

SỔ CÁI

Năm 2016

Loại TK: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
13/12	PT120	13/12	Chiết khấu thanh toán cho Hoàng Huy	111	43.432	
....
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		43.432
			Cộng số phát sinh		3.366.000	3.366.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.4.3. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết nhằm xác định chính xác kết quả kinh doanh theo tình hình dịch vụ tại công ty.

Khi hạch toán doanh thu cung cấp dịch vụ tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại hình dịch vụ cung cấp nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu của từng loại dịch vụ. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược kinh doanh: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác... Thông qua doanh thu, giá vốn có thể tính lợi nhuận gộp của từng loại hình dịch vụ: từ đó đưa ra những chiến lược phát triển theo từng loại hình dịch vụ.

VD 3.1: Lấy lại ví dụ ở chương 2 (trang 41) cùng với việc ghi sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết doanh thu và giá vốn mở cho từng loại dịch vụ vận tải.

Biểu số 3.2 : Mẫu sổ chi tiết doanh thu

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):....

Năm...

Quyển sổ

Đơn vị tính: ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lợi nhuận gộp						

- Sổ này có...trang, đánh từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng... năm....
Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.3 : Sổ chi tiết doanh thu

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm(hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): vận tải

Năm: 2016

Đơn vị tính: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...						
03/12	HĐ0000814	03/12	Cước vận chuyển Huy Hoàng	131			22.250.000		
			...						
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lợi nhuận gộp				4.932.740.000 4.932.740.000 4.213.440.477 719.299.523		

- Sổ này có...trang, đánh từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.4: Mẫu sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
 Địa chỉ: Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu,
 TP.Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S17 – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)...

Tài khoản: 632

Năm:...

Đơn vị tính: ...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
			Cộng phát sinh			

Ngày...tháng... năm...

Người ghi sổ
 (Ký tên)

Kế toán trưởng
 (ký tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.5: Sổ chi tiết giá vốn loại hình vận tải

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S17 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): vận tải

Tài khoản: 632

Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
3/12	HĐ0000 814	3/12	Vận chuyển cho công ty Huy Hoàng	154	20.250.000	

31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn loại hình vận tải	911		4.213.440.477
			Cộng phát sinh		4.213.440.477	4.213.440.477

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

VD: Ngày 21/12/2016 công ty thuê bên công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Ngọc Diệp vận chuyển một lô hàng cho công ty TNHH Công nghiệp và thương mại Hà Thái với giá cước 5.530.000 (chưa VAT). Trong đó chi phí thuê Ngọc Diệp là 5.100.000 (chưa VAT). Hà Thái đã thanh toán bằng tiền mặt. Công ty đã chuyển khoản thanh toán tiền cước vận chuyển cho Ngọc Diệp.

Biểu số 3.6: Sổ chi tiết giá vốn loại hình thuê vận tải

Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu
Số 113, tổ 5, khu 1, Phường Yết Kiêu, TP.Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S17 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): thuê vận tải
Tài khoản: 632
Năm: 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
21/12	HĐ000 0314	21/12	Thuê Ngọc Diệp vận chuyển cho Hà Thái	112	5.100.000	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn loại hình vận tải			881.408.951
			Cộng phát sinh		881.408.951	881.408.951

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký tên)

Kế toán trưởng
(ký tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.7: Sổ chi tiết doanh thu thuê vận tải

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **thuê vận tải.**

Năm: **2016**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212.5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			...						
21/12	HĐ0000943	21/12	Thuê Ngọc Diệp vận chuyển cho Hà Thái	111			5.350.000		
			...						
			Cộng số phát sinh				1.032.340.227		
			-Doanh thu thuần				1.032.340.227		
			-Giá vốn hàng bán				881.408.951		
			-Lợi nhuận gộp				150.931.276		

- Sổ này có...trang, đánh từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu một cách khách quan trung thực thông qua số liệu năm 2016 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Qua quá trình tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu, em thấy công ty đã có nhiều bước tiến vượt bậc nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của công tác tổ chức sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay. Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, không ngừng đáp ứng nhu cầu của khách hàng và chiếm được uy tín trên thị trường quản lý sản xuất kinh doanh và sự đóng góp quan trọng của công tác kế toán. Bên cạnh đó công ty còn có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và kế toán đầy năng lực, kinh nghiệm, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý và trình độ năng lực của từng cán bộ nhân viên kế toán. Công ty là một đơn vị chuyên dịch vụ vận chuyên, trong kỳ có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy, việc sử dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung là hợp lý vì nó cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Hệ thống sổ sách kế toán của công ty đầy đủ đúng quy định, từ đó các phân hành kế toán được thực hiện dễ dàng.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý tại công ty TNHH Thương mại Yết Kiêu .

- Công ty cần áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng để có thể thu hồi nợ nhanh chóng tránh được tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu.

- Công ty nên tăng cường công tác quản lý công nợ bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác ghi chép nhanh và hiệu quả hơn.
- Công ty nên hoàn thiện hệ thống sổ sách để xác định chính xác kết quả kinh doanh theo tình hình dịch vụ tại công ty.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để báo cáo khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày 02 tháng 06 năm 2018

Sinh viên

La Thị Hải Anh